

Bản án số: 05/2021/HS-ST  
Ngày 26 tháng 4 năm 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Liêu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Viết Thuận.

Ông Phạm Văn Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy, thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Ông Lê Viết Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Thông báo dời lịch xét xử ngày 26 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

NayN, sinh năm 1979 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Ia Sa, xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Jrai; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: ViệtN; Con ông Ksor Hưng (đã chết) và bà Nay Bran, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Rmah Uyn (Rmah Uyên) sinh năm 1986 và 09 người con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2020;

Tiền án: 01; Tại Bản án số 14/2006/HSST Ngày 10/4/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Ayun Pa, tỉnh G xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” ; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Bùi Thị Phương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt

**- Bị hại:**

Anh Trần Công T, sinh năm 1988 và chị Đặng Thị Mỹ D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Lũh Ngó, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

**- Người tham gia tố tụng khác:**

**+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Rmah Uyn (Rmah Uyên), sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Ia Sa, xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh G. Có mặt.

**+ Người phiên dịch tiếng Jrai:** ông Nay Đức Linh, dân tộc Jrai. Có mặt.

## **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 20/9/2020, NayN một mình điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát đi từ xã HBông, huyện Chư Sê, tỉnh G đến thôn Lũh Ngó, xã Ia Hnú, huyện C, tỉnh G nhằm mục đích tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Trước khi đi, N mang theo 02 (hai) thanh kim loại, đều dài 29cm, một đầu tròn có đường kính 01cm và một đầu dẹp, để nạy phá cửa. Trên đường đi, xe mô tô hết xăng, nên N bỏ xe lại bên đường và cầm theo 02 (hai) thanh kim loại tiếp tục đi bộ đến thôn Lũh Ngó, xã Ia Hnú, huyện C, tỉnh G. Khi N đi đến cổng nhà anh Trần Công T (trú tại thôn Lũh Ngó, xã Ia Hnú) thì phát hiện nhà anh T đã khoá cửa, nhưng không khoá cổng và không thấy ai ở nhà. Thấy vậy, N đứng ở cổng nhà anh T, gọi ba lần “Chú ơi” để dò xét và không thấy ai trả lời. Sau đó, N đi bộ dọc theo hàng rào nhà anh T rồi trèo qua hàng rào lưới B40 vào bên trong và đi đến khu vực phía sau nhà. Lúc này, N dùng 01 (một) thanh kim loại đã mang theo từ trước nạy cửa gỗ phía sau nhà. Do cửa chỉ khép mà không khoá, nên N chỉ nạy nhẹ đã mở được cửa và lẻn vào bên trong nhà; N lục lọi, tìm kiếm tài sản. Khi vào phòng ngủ của vợ chồng anh T, N lục tìm lấy được 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu trắng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng ở trong tủ quần áo, sau đó tiếp tục lục trong chiếc cặp màu hồng (treo ở gần cửa phòng) lấy được số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và lục tìm trong túi quần jean (treo trên tường sau cửa phòng) thấy 01 (một) chiếc ví da, N mở ví lấy số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) rồi rút ví da xuống nền nhà; lo sợ chiếc điện thoại sẽ phát ra tiếng động, nên N bỏ lại chiếc điện thoại vừa lấy được trên chiếc máy giặt rồi đi ra khỏi nhà anh T. Sau đó, N đi về chỗ để xe mô tô và gặp một người đàn ông rủ nhậu thì N đồng ý và cùng người này đến một chòi rẫy bỏ hoang ở xã Ia Hnú, huyện C, tỉnh G. Tại đây, N nhậu với người đàn ông trên cùng 03 (ba) người đàn ông khác, N sử dụng số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng) từ số tiền vừa trộm cắp được để mua đồ nhậu và cất số tiền: 9.000.000đ (Chín triệu đồng) vào trong túi áo trước của mình. Sau khi nhậu say, N nằm ngủ ngay tại chòi rẫy, đến khi tỉnh dậy thì không thấy những người cùng nhậu với mình đâu nữa và số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) mà N bỏ trong túi áo cũng mất.

### **Về vật chứng vụ án:**

- Đối với 02 (hai) thanh kim loại, đều dài 29cm, một đầu tròn có đường kính 01cm và một đầu dẹp. Quá trình điều tra đã xác định được đây chính là công cụ N sử dụng để nạy phá cửa nhà anh T trộm cắp tài sản, nên đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C quản lý để xử lý theo vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, không có biển kiểm soát, có số khung: VDTLCG063ĐT341317, số máy VOTFS150FMG341317, đã qua sử dụng; đây là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C quản lý để xử lý theo vụ án.

### **Về trách nhiệm dân sự:**

- Trong quá trình điều tra bị cáo cùng vợ là chị Rmah Uyn đã bồi thường cho người bị hại là anh Trần Công T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), đến nay anh T không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo NayN về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo NayN về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo NayN từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: miễn xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Xét bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không được đi học nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo còn đông và còn nhỏ; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối lỗi về việc làm vi phạm pháp luật của mình; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng sở hữu của chủ sở hữu tài sản vào sáng ngày 20/9/2020, NayN đã dùng thanh kim loại mang theo nạy cửa gỗ phía sau lén lút chiếm đoạt của anh Trần Công T số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Sau đó, bị cáo đã cùng với 04

người đàn ông hiện nay chưa rõ lai lịch tiêu xài hết số tiền 3.000.000 đồng, số tiền 9.000.000 đồng còn lại bị cáo bỏ trong túi áo nhưng bị mất.

Hành vi nêu trên của NayN đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây dư luận xấu trong nội bộ quần chúng nhân dân. Loại tội “*Trộm cắp tài sản*” trong thời gian qua xảy ra nhiều và có chiều hướng diễn biến phức tạp. Do đó, cần xử phạt tù bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý là thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình, quyết định hình phạt.

[4] Đối với 04 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đã ăn nhậu cùng bị cáoN, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tìm kiếm nhưng không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau đúng pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 (hai) thanh kim loại, đều dài 29cm, một đầu tròn có đường kính 01cm và một đầu dẹp là công cụ phạm tội không có giá trị. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, không có biển kiểm soát, có số khung: VDTLCG063ĐT341317, số máy VOTFS150FMG341317, đã qua sử dụng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa chiếc xe mô tô thuộc sở hữu của vợ chồng bị cáo, khi bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội thì vợ không biết. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không chứng minh được quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo đối với chiếc xe mô tô trên. Vì vậy Hội đồng xét xử chuyển chiếc xe mô tô này cho cơ quan Cảnh sát giao thông Công an huyện C, tỉnh G xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị cáo cùng vợ là chị Rmah Uyn đã bồi thường cho người bị hại là anh Trần Công T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), đến nay anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con đông còn nhỏ, nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo NayN phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo NayN: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung và trách nhiệm dân sự:miễn xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử: tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) thanh kim loại, đều dài 29cm, một đầu tròn có đường kính 01cm và một đầu dẹp; Giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, không có biển kiểm soát, có số khung: VDTLCG063ĐT341317, số máy VOTFS150FMG341317 cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện C, tỉnh G để xử lý theo thẩm quyền; Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/01/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Những người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh G;
- VKS huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi Cục THS DS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Hoàng Liêu**